

Danh mục gói thầu: Vật tư, hóa chất, sinh phẩm dùng chung

Phụ lục 1

(Kèm theo Công văn số 744 /YCBG-BVBT ngày 08 tháng 4 năm 2026)

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
1	Môi trường BHI	Việt Nam	Tăng sinh không chọn lọc tất cả các vi khuẩn, ngoại trừ H. influenzae. Môi trường được chứa trong lọ thủy tinh nắp vặn.	Lọ	3,000
2	Môi trường giữ chủng vi khuẩn BHI 20% glycerol	Việt Nam	Đựng trong tube nhựa dùng để bảo quản và lưu giữ vi khuẩn trong điều kiện nhiệt độ âm. Thời gian bảo quản chủng vi khuẩn tùy thuộc và ngưỡng nhiệt độ bảo quản: - 20 độ C (1 năm); -30 độ C (2 năm); -70 độ C (10 năm). Thành phần Brain Heart, Infusion ; Peptic Digest of Animal Tissue; Pancreatic Digest of Gelatin; Dextrose; Sodium Chloride; Disodium Phosphate; Glycerol ; Nước cất.	Tube	100
3	Thạch môi trường Bile Esculin	Việt Nam	Lọ thủy tinh nắp vặn có kích thước trong khoảng 40 × 16mm. Thực hiện thử nghiệm thủy giải esculin với sự hiện diện của 40% bile, dùng phân biệt Group D streptococcus với các streptococcus khác.	Ống	72
4	Chai dung dịch nhuộm vi sinh Gram	Việt Nam	Thuốc nhuộm được chứa trong chai làm từ nhựa PP (Polypropylene). Công dụng: Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram. Thành phần gồm 04 loại dung dịch là Crystal Violet, Lugol, Alcohol và Safranin.	Bộ	17
5	Chai dung dịch nhuộm vi sinh Ziehl Neelsen	Việt Nam	Thuốc nhuộm được chứa trong chai làm từ nhựa PP (Polypropylene). Công dụng: Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Ziehl Neelsen tìm trực khuẩn kháng acid để chẩn đoán lao. Thành phần gồm 03 loại dung dịch là Carbon Fuchsin, Alcohol Acid và Metylen Blue	Bộ	55

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/trương đương	Đơn vị tính	Số lượng
6	Chai cấy máu	Việt Nam	Chai cấy máu hai pha được dùng để thực hiện xét nghiệm cấy máu tìm tác nhân gây nhiễm khuẩn huyết. Chai cấy máu hai pha được cấu tạo là chai bằng nhựa Pet với hai phần. Phần trên là pha đặc với môi trường là BHI agar. Phần dưới là BHI lỏng có SPS (Sigma) với vai trò kháng đông và ngăn hoạt động bổ thể cũng như một số kháng sinh.	Chai	1,500
7	Đĩa giấy dùng trong kỹ thuật KSD - Bacitracin	Việt Nam	Đĩa giấy sinh hóa được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su), phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Dùng để thực hiện thử nghiệm nhạy cảm Bacitracin để phân biệt <i>S. pyogenes</i> (Group A) với <i>S. agalactiae</i> (Group B).	Lọ	36
8	Đĩa giấy dùng trong kỹ thuật KSD - Nitrocefin	Việt Nam	Đĩa giấy sinh hóa được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su), phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Dùng để thực hiện thử nghiệm phát hiện vi khuẩn tiết β -lactamase cổ điển.	Lọ	14
9	Đĩa giấy dùng trong kỹ thuật KSD - Optochin	Việt Nam	Đĩa giấy sinh hóa được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su), phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Dùng để thực hiện thử nghiệm nhạy cảm Optochin để phân biệt <i>S. pneumoniae</i> với Viridans streptococcus.	Lọ	36
10	Đĩa giấy tẩm kháng sinh các loại	Việt Nam	Đĩa kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su), phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Đĩa kháng sinh được dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ theo phương pháp khuếch tán kháng sinh trong thạch. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh và dựa vào đường kính vòng vô khuẩn để biện luận vi khuẩn đề kháng, trung gian, nhạy cảm theo tiêu chuẩn CLSI hoặc EUCAST.	Lọ	4,200

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/trương đương	Đơn vị tính	Số lượng
11	Đầu col lọc từ 0,5 đến 10μl	Việt Nam	<p>Đầu tip có màng lọc hút vô trùng một thể tích chính xác mầm cây hay bệnh phẩm. Thích hợp cho xét nghiệm vi sinh hay sinh học phân tử</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài (sai số cho phép +/-5%): 46mm - Thể tích hút (sai số cho phép +/-5%): 0,5-10ul - Chất liệu nhựa PP (Polypropylene) - Độ vô trùng: 100%. Vô trùng bằng Ethylen Oxit - Hạn sử dụng: tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất 	Cái	1,325
12	Đầu col lọc từ 10 đến 100μl	Việt Nam	<p>Đầu tip có màng lọc hút vô trùng một thể tích chính xác mầm cây hay bệnh phẩm. Thích hợp cho xét nghiệm vi sinh hay sinh học phân tử</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài (sai số cho phép +/-5%): 50mm - Thể tích hút (sai số cho phép +/-5%): 10-100ul - Chất liệu nhựa PP (Polypropylene) - Độ vô trùng: 100%. Vô trùng bằng Ethylen Oxit - Hạn sử dụng: tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất 	Cái	3,456
13	Đầu col lọc từ 100 đến 1000μl	Việt Nam	<p>Đầu tip có màng lọc hút vô trùng một thể tích chính xác mầm cây hay bệnh phẩm. Thích hợp cho xét nghiệm vi sinh hay sinh học phân tử</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài (sai số cho phép +/-5%): 73mm - Thể tích hút (sai số cho phép +/-5%): 200-1000ul - Chất liệu nhựa PP (Polypropylene) - Độ vô trùng: 100%. Vô trùng bằng Ethylen Oxit - Hạn sử dụng: tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất 	Cái	7,680
14	Môi trường tăng sinh Salmonella và Shigella	Việt Nam	Tăng sinh chọn lọc vi khuẩn Salmonella và Shigella. Được dùng trong xét nghiệm cấy phân thường quy. Môi trường được chứa trong tube nhựa, phù hợp khi sử dụng với tăm bông lấy bệnh phẩm vô trùng.	Tube	1,500

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/trương đương	Đơn vị tính	Số lượng
15	Khuyên cây không cán	Việt Nam	Vòng cây bằng kim loại, không cán. Thể tích đầu vòng cây 10 μ l. Gắn vào cán sẽ thành vòng cây thường cứng hoàn chỉnh, dùng để cấy mẫu bệnh phẩm trên đĩa thạch, dùng trong các xét nghiệm vi sinh lâm sàng hoặc thí nghiệm.	Cái	29
16	Lọ nhựa miệng rộng có F2M	Việt Nam	Lọ lấy mẫu phân có F2M bổ sung 1 bao 5ml dung dịch F2M. Lọ miệng rộng, nắp vặn chặt, dùng để lấy mẫu phân tươi để làm xét nghiệm tìm ký sinh trùng đường ruột, dung dịch F2M để bảo quản mẫu	Lọ	1,920
17	Lọ vô trùng lấy mẫu	Việt Nam	Lọ lấy mẫu vô trùng. Lọ miệng rộng, nắp vặn chặt, có dán nhãn, vô trùng từng cái. Dùng lấy các mẫu dịch như nước tiểu, dịch màng phổi, mủ apxe, phân tươi	Lọ	14,400
18	Pipette nhựa vô trùng	Việt Nam	Hút vô trùng một thể tích chính xác mầm cây hay bệnh phẩm. Thích hợp cho xét nghiệm vi sinh hay sinh học phân tử <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài (sai số cho phép +/-5%): 157mm - Thể tích hút (sai số cho phép +/-5%): 1-3ml - Chất liệu nhựa PP (Polypropylene) - Độ vô trùng: 100%. Vô trùng bằng Ethylen Oxit - Hạn sử dụng: tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất 	Cái	3,600

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/trương đương	Đơn vị tính	Số lượng
19	Tăm bông kháng sinh đồ	Việt Nam	Que vào bao riêng lẻ có ống nhựa, hàn kín vô trùng từng que Dùng để lấy các mẫu vi sinh cần hoặc không cần môi trường chuyên chờ tùy vào mục đích xét nghiệm	Que	24,000
20	Tăm bông que kềm vô trùng	Việt Nam	Que vào bao riêng lẻ có ống nhựa, hàn kín vô trùng từng que Dùng để lấy các mẫu bệnh phẩm quệt mũi sau, tai hoặc mẫu sinh dục nam ...	Que	2,000
21	Thạch chứa MT nuôi cấy - Huyết tương thô đông khô	Việt Nam	Dùng thực hiện thử nghiệm coagulase để phân biệt Staphylococcus aureus với Coagulase negative staphylococcus, có thành phần chính là huyết tương thô đông khô và được chứa trong lọ thủy tinh nút cao su có đóng nắp nhôm.	Lọ	1,300
22	Thạch chứa MT nuôi cấy - Stuart-Amies	Việt Nam	Bảo quản và chuyên chở các loại bệnh phẩm khác nhau như mũi - dịch tiết, tai - mũi - xoang, quệt hầu họng, quệt sinh dục... Thời gian bảo quản bệnh phẩm 48 giờ ở nhiệt độ thường hoặc 2 - 8°C. Môi trường được chứa trong tube nhựa phù hợp khi sử dụng với tăm bông lấy bệnh phẩm vô trùng hoặc tăm bông mảnh lấy bệnh phẩm vô trùng.	Tube	5,520
23	Thạch chứa MT nuôi cấy vi khuẩn MHBA	Việt Nam	Môi trường đồ sẵn trên đĩa petri Φ trong khoảng 90mm. Công dụng: Môi trường Mueller Hinton Agar có bổ sung 5% máu cừu thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh hoặc bằng que MIC với streptococcus và N. meningitidis. Thành phần Beef extract; Acid hydrolysate of Casein; Starch; Agar; Nước cất; Máu cừu.	Hộp	100

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/trương đương	Đơn vị tính	Số lượng
24	Thạch Mac Conkey	Việt Nam	Môi trường đồ sẵn trên đĩa petri Φ trong khoảng 90mm. Công dụng: Môi trường nuôi cấy chọn lọc và phân biệt khả năng lên men lactose của trực khuẩn Gram âm, dễ mọc. Áp dụng nuôi cấy phân lập tác nhân nhiễm trùng từ các bệnh phẩm khác nhau. Thành phần Peptones; Pancreatic digest of gelatin; Lactose monohydrate; Bile salts; Sodium chloride; Crystal violet; Neutral red; Agar; Nước cất.	Hộp	1,500
25	Thạch máu cừu (BA)	Việt Nam	Môi trường đồ sẵn trên đĩa petri Φ trong khoảng 90mm. Công dụng: Môi trường nuôi cấy phân biệt. Phân biệt các kiểu hình tiêu huyết (α , β , γ). Áp dụng nuôi cấy phân lập tác nhân nhiễm trùng từ các bệnh phẩm đường hô hấp, quệt hầu họng, mũi - dịch tiết ... Thành phần Peptone; Corn starch; Sodium chloride; Agar; Nước cất; Máu cừu	Hộp	2,000
26	Thạch Muller-Hinton(MHA)	Việt Nam	Công dụng: Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh hoặc bằng que MIC trên vi khuẩn dễ mọc. Đĩa thạch tròn có Φ trong khoảng 90mm thực hiện kháng sinh đồ cho 7 đĩa kháng sinh hoặc 2 que MIC. Thành phần Beef extract; Acid hydrolysate of Casein; Starch; Agar; Nước cất.	Hộp	2,600
27	Thạch nâu (Giàu XV)	Việt Nam	Môi trường đồ sẵn trên đĩa petri Φ trong khoảng 90mm. Công dụng: Môi trường nuôi cấy không chọn lọc vi khuẩn khó mọc. Áp dụng phân lập tác nhân nhiễm trùng từ dịch não tủy hoặc các bệnh phẩm vô trùng khác. Thành phần Peptone; Corn starch; Sodium chloride; Agar; Nước cất; Máu ngựa	Hộp	960
28	Thạch SS	Việt Nam	Môi trường đồ sẵn trên đĩa petri Φ trong khoảng 90mm. Công dụng: Môi trường nuôi cấy chọn lọc Salmonella và Shigella. Áp dụng nuôi cấy mẫu phân. Thành phần Beef Extract; Pancreatic Digest of Casein; Peptic Digest of Animal Tissue; Lactose; Bile Salts; Sodium Citrate; Sodium Thiosulfate; Ferric Citrate; Neutral Red; Agar; Brilliant Green; Nước cất.	Hộp	50

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/trương đương	Đơn vị tính	Số lượng
29	Thạch chứa MT nuôi cấy - TSB có 6,5% NaCl	Việt Nam	Lọ thủy tinh nắp vặn. Thực hiện thử nghiệm dung nạp 6.5% sodium chloride để phân biệt Enterococcus với non – Enterococcus.	Ổng	60
30	Escherichia coli ATCC 25922	Việt Nam	Chủng vi sinh chuẩn ATCC	Ổng	2
31	Staphylococcus aureus ATCC 25923	Việt Nam	Chủng vi sinh chuẩn ATCC	Ổng	2
32	Pseudomonas aeruginosa ATCC 27853	Việt Nam	Chủng vi sinh chuẩn ATCC	Ổng	2
33	Enterococcus faecalis ATCC 29212	Việt Nam	Chủng vi sinh chuẩn ATCC	Ổng	2
34	Giemsa	Việt Nam	Thuốc nhuộm được chứa trong chai làm từ nhựa PP (Polypropylene). Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Giemsa	Chai	15
35	Haemophilus Test Medium (HTM 90mm)	Việt Nam	Môi trường đồ sẵn trên đĩa petri Φ trong khoảng 90mm. Công dụng: Môi trường Mueller Hinton Agar có bổ sung hemin (yếu tố X) và NAD (yếu tố V) để thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh hoặc bằng que MIC trên Haemophilus. Thành phần Beef extract (48mg); Acid hydrolysate of Casein (0,42g); Starch (36mg); Agar (0,4g); Nước cất (24mL); Hematin (3,6 μ g); Nicotinamide Adenine Dinucleotide (3,6 μ g)	Hộp	3

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/trương đương	Đơn vị tính	Số lượng
36	Test phát hiện vi khuẩn HP	Việt Nam	Được dùng để phát hiện và định danh nhanh Helicobacter pylori có trong bệnh phẩm nội soi dạ dày hoặc trên môi trường nuôi cấy. Đặc trưng của H. pylori là có khả năng sinh ra men urease tác dụng phân hủy rất nhanh urea thành hydroxid amonium và làm kiềm hóa môi trường và được nhận diện nhờ chất chỉ thị pH.	Test	3,600
37	Thạch TCBS	Việt Nam	Môi trường phân lập chọn lọc Vibrio. Phân biệt V. cholerae với các loài Vibrio khác dựa trên khả năng lên men sucrose.	Hộp	50
38	Các yếu tố X,V, XV	Việt Nam	X / V / XV được dựa trên nguyên tắc các yếu tố X và V được tẩm trên các que giấy với các loại que giấy là X (chỉ có yếu tố X), V (chỉ có yếu tố V) và XV (có đồng thời yếu tố X và V). Khi đặt các que giấy này trên môi trường thạch thường (chỉ có chất dinh dưỡng) đã được trải vi khuẩn. Yếu tố X, V, XV que giấy khuếch tán ra môi trường và làm vi khuẩn mọc thành vệ tinh xung quanh các que giấy X, V và XV	Bộ	2
39	Chuẩn độ đục vi khuẩn 0,5McF	Việt Nam	Lọ có chứa thuốc thử dùng thực hiện xác định độ đục của vi khuẩn trong thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ.	Ống	5
40	Bộ xét nghiệm sinh học phân tử định lượng DNA-HBV	Việt Nam	Bộ xét nghiệm qPCR sử dụng taqman probe để phát hiện và định lượng HBV trong các mẫu thử khác nhau	Bộ	50
41	Bộ xét nghiệm sinh học phân tử tìm MTB	Việt Nam	Bộ xét nghiệm qPCR sử dụng taqman probe để phát hiện MTB – DNA trong các mẫu thử khác nhau	Bộ	15

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/trương đương	Đơn vị tính	Số lượng
42	Bộ định danh trực khuẩn đường ruột	Việt Nam	Hệ thống gồm 14 thử nghiệm sinh hoá dùng để định danh trực khuẩn Gram âm, dễ mọc (Enterobacteriaceae, non Enterobacteriaceae, Vibrio). Nguyên tắc dựa trên kết quả thử nghiệm sinh hóa có trong bộ định danh và tra cứu hệ thống mã số định danh để xác định tên loài của vi khuẩn.	Bộ	400
43	Bộ xét nghiệm khử tạp nhiễm đàm	Việt Nam	Bộ thuần nhất và loại trừ tạp nhiễm cho mẫu đàm và các mẫu thử có chứa đàm như dịch hút rửa khí hay phế quản, dịch hút đàm qua mũi, hay dịch hút dạ dày để làm các xét nghiệm liên quan đến PCR hay real-time PCR, nguyên tắc là trước hết làm thuần nhất và loại trừ tạp nhiễm các mẫu đàm bằng dung dịch có chứa N-Acetyl-L.Cysteine (NALC) và NaOH. Sau khi trung hòa bằng đệm phosphate, vi khuẩn mycobacteria trong mẫu đàm sẽ được tập trung trong cặn của dung dịch nhờ ly tâm	Bộ	4
44	Bộ xét nghiệm sinh học phân tử tìm Human Papillomavirus	Việt Nam	Bộ xét nghiệm real-time PCR phát hiện HPV (Human Papillomavirus) và xác định nhóm type nguy cơ cao, nguy cơ thấp, genotype 6, genotype 11, genotype 16 và genotype 18 có mặt trong các bệnh phẩm khác nhau lấy từ người	Bộ	15
45	Bộ định danh RNIS	Việt Nam	Hệ thống định danh Neisseria dựa trên thử nghiệm lên men đường nhanh. Neisseria có khả năng lên men đường nhanh trong dung dịch muối đệm phosphate có chất chỉ thị pH là phenol red. Vi khuẩn lên men đường làm thay đổi pH của dung dịch và làm dung dịch đổi màu từ đỏ sang vàng.	Bộ	1
46	Hóa chất Papanicolaou's solution la Harris hematoxylin dùng cho tế bào học	G20	Hóa chất Papanicolaou's solution la Harris hematoxylin dùng cho tế bào học	Chai	5

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/trương đương	Đơn vị tính	Số lượng
47	Hóa chất Papanicolaou's solution 2a Orange G solution (OG 6) dùng cho tế bào học	G20	Hóa chất Papanicolaou's solution 2a Orange G solution (OG 6) dùng cho tế bào học	Chai	5
48	Hóa chất Papanicolaou's solution 3b polychromatic solution EA50 dùng cho tế bào học	G20	Hóa chất Papanicolaou's solution 3b polychromatic solution EA50 dùng cho tế bào học	Chai	5
49	Lam nhám (7105)	G20	Lam kính xét nghiệm 7105 - Size: 25.4 x 76.2mm - Độ dày: 1 - 1.2mm	Hộp	30
50	Cồn 96	Việt Nam	Cồn 96 độ	Lít	60
51	Cồn tuyệt đối	Việt Nam	Cồn tuyệt đối	Lít	20
52	Que gỗ Spatula	Việt Nam	Dùng để lấy tế bào và niêm dịch cổ tử cung. Sử dụng 1 lần	Hộp	15

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
53	Test sốt xuất huyết tìm kháng nguyên	G20	<p>- Xét nghiệm sắc ký miễn dịch, theo nguyên lý dòng chảy một chiều, định tính phát hiện kháng nguyên Dengue NS1 (DEN1,2,3,4) trong máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương người.</p> <p>- Độ nhạy tương quan: 100%</p> <p>- Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 99.6\%$</p> <p>- Độ chính xác tương quan: $\geq 99.7\%$</p> <p>- Đọc kết quả $\leq 20-25$ phút</p> <p>- Phân loại C</p>	Test	12,000
54	Thuốc thử yếu tố Rhesus	G20	<p>Kháng thể đơn dòng có dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-D BS225 1,0ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.</p>	MI	260
55	Test sốt xuất huyết tìm kháng thể	G20	<p>- Xét nghiệm sắc ký miễn dịch, theo nguyên lý dòng chảy một chiều, định tính phát hiện đồng thời và phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng vi rút Dengue (DEN1, 2, 3, 4) trong máu toàn phần, huyết thanh và huyết tương người.</p> <p>- Hiệu quả chẩn đoán lâm sàng của khay thử IgG:</p> <p>+ Độ nhạy tương quan: $\geq 97.3\%$</p> <p>+ Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 99.3\%$</p> <p>+ Độ chính xác tương quan: $\geq 99.1\%$</p>	Test	960
56	Thuốc thử nhóm máu A	G20	<p>Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-A kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A500100 1,0ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.</p>	MI	260

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/trương đương	Đơn vị tính	Số lượng
57	Thuốc thử nhóm máu B	G20	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-B kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) B500100 1,0ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	MI	260
58	RF định tính	G20	- Xét nghiệm nhanh ngưng kết latex để sàng lọc định tính và xác định bán định lượng yếu tố thấp khớp (RF) trong huyết thanh người. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	Test	200
59	Test nhanh chẩn đoán HIV/AIDS	G20	- Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 - Mẫu phẩm: huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: $\geq 99.8\%$. - Thời gian trả kết quả: $\leq 10 - 20$ phút - Thẻ tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 10 uL; máu toàn phần: 20uL - Phân loại D	test	15,000
60	Test nhanh tìm kháng nguyên E viêm gan B	G20	Định tính phát hiện sự có mặt của HBeAg trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. - Độ nhạy tương quan: $\geq 96.2\%$ - Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 99.4\%$ - Độ chính xác tương quan: $\geq 98.8\%$ - Phân loại D	test	1,500
61	Test chuẩn đoán vi khuẩn dạ dày trên huyết thanh	G20	Phát hiện kháng thể kháng H.pylori - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy tương quan: $\geq 94.88\%$, độ đặc hiệu tương: $\geq 95.38\%$	test	500

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/trương đương	Đơn vị tính	Số lượng
62	Test nhanh chẩn đoán viêm gan B	G20	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người, phù hợp để sử dụng trên mẫu phụ nữ mang thai. - Độ nhạy: 100% ; Độ đặc hiệu: 100% - Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 100 µL; Không cần sử dụng dung dịch đệm (chase buffer) - Không có phản ứng chéo với các mẫu HCV, HAV, CMV, EBV, Parvovirus, HIV, VZV, Syphilis, Rubella, HTLV và HSV. - Phân loại D 	test	12,000
63	Test nhanh chẩn đoán kháng thể Giang mai	G20	<p>Phát hiện kháng thể kháng syphilis trong máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương của người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy: 100% ; Độ đặc hiệu: 100% - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần 	test	12,000
64	Test nhanh chẩn đoán viêm gan A	G20	<ul style="list-style-type: none"> - Xét nghiệm sắc ký miễn dịch, theo nguyên lý dòng chảy một chiều, định tính phát hiện sự có mặt của kháng thể IgM kháng HAV trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. - Độ nhạy: ≥90.6% - Độ đặc hiệu: ≥97.6% - Độ chính xác: ≥95.4% 	test	400
65	Test nhanh chẩn đoán viêm gan E	G20	<ul style="list-style-type: none"> - Xét nghiệm sắc ký miễn dịch, theo nguyên lý dòng chảy một chiều, định tính phát hiện kháng thể IgM kháng vi rút viêm gan E (HEV) trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. - Độ nhạy: ≥98.1% - Độ đặc hiệu: ≥99.2% - Độ chính xác: ≥98.9% 	test	2,000
66	Test nhanh phát hiện virus bề mặt viêm gan B	G20	<p>Xét nghiệm sắc ký miễn dịch để định tính kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B trong huyết thanh hay huyết tương ở người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy: ≥98.8%; - Độ đặc hiệu: ≥99.4% 	test	500

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/trương đương	Đơn vị tính	Số lượng
67	Test sốt rét	G20	<ul style="list-style-type: none"> - Xét nghiệm sắc ký miễn dịch, theo nguyên lý dòng chảy một chiều, định tính phát hiện đồng thời và phân biệt kháng nguyên các chủng vi rút gây bệnh sốt rét P.falciparum và P.vivax trong máu toàn phần. - Hiệu quả lâm sàng Pf: <ul style="list-style-type: none"> + Độ nhạy: $\geq 92,4\%$ + Độ đặc hiệu: $\geq 98.8\%$ - Hiệu quả lâm sàng Pv: 	test	12,000
68	Test nhanh HBeAb	G20	<ul style="list-style-type: none"> - Xét nghiệm miễn dịch sắc ký, sử dụng để định tính phát hiện sự có mặt của HBeAb trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người. - Độ nhạy: $\geq 95.6\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 99.3\%$ - Độ chính xác: $\geq 98\%$ - Phân loại D 	test	100
69	Test nhanh viêm gan C	G20	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người. Được thiết kế để sử dụng trong quần thể có tỷ lệ nhiễm HCV cao hoặc những người có tiền sử phơi nhiễm/hành vi nhiễm HCV bao gồm cả phụ nữ mang thai. - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: $\geq 99.4\%$ (so với xét nghiệm xác nhận sử dụng RT-PCR) - Không có phản ứng chéo với các mẫu Kháng thể HBs, CMV, HIV, Giang mai, Xoắn khuẩn Borrelia burgdorferi, EBV, HTLV, Ký sinh trùng Toxoplasma, Chlamydia, HBsAg, Cúm, Trypanosoma cruzi I /II - Đạt tiêu chuẩn: WHO, ISO 	test	6,000

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/trương đương	Đơn vị tính	Số lượng
70	Test nhanh xét nghiệm ma túy tổng hợp	G20	<p>Que thử xét nghiệm định tính MOP/COD/HER/THC/AMP (Nước tiểu) là xét nghiệm miễn dịch sắc ký nhanh để phát hiện định tính và đồng thời các loại chất gây nghiện (AMP, COD, HER, MOP, THC) dưới dạng các phức hợp khác nhau có trong nước tiểu ở người.</p> <p>- Nồng độ ngưỡng phát hiện (Cut-off (ng/mL) như sau:</p> <p>+ AMP: 500 (ng/mL); + COD: 250 (ng/mL); + HER: 10 (ng/mL); + MOP: 300 (ng/mL); + THC: 50 (ng/mL)</p> <p>- Độ nhạy; Độ đặc hiệu; Độ chính xác lần lượt như sau:</p> <p>+ AMP: $\geq 99,9\%$; $\geq 99,9\%$; $\geq 99,9\%$ + COD: $> 99,05\%$; $> 99,9\%$; $> 99,38\%$</p>	test	1,500
71	Test phát hiện Amphetamin	G20	<p>Xét nghiệm miễn dịch trực quan nhanh chóng để phát hiện định tính, giả định có Amphetamine trong mẫu nước tiểu người.</p> <p>- Điểm ngưỡng giới hạn (ng/mL): 1.000 - Độ nhạy: $\geq 99,9\%$, Độ chính xác: $\geq 99,9\%$</p>	test	200
72	Test phát hiện Heroin/Morphin	G20	<p>Xét nghiệm sắc ký miễn dịch định tính, giả định phát hiện sự có mặt của morphine và thuốc phiện khác trong mẫu nước tiểu ở người.</p> <p>- Điểm ngưỡng giới hạn (ng/mL): 300 - Độ nhạy: 100%, Độ chính xác: $\geq 97\%$. - Tiêu chuẩn ISO</p>	test	200
73	Test phát hiện Marijuana	G20	<p>Xét nghiệm miễn dịch trực quan nhanh để phát hiện định tính các chất chuyển hóa THC (axit 11-nor-Δ^9-THC-9-carboxylic) trong mẫu nước tiểu người.</p> <p>- Điểm ngưỡng giới hạn (ng/mL): 50 - Độ nhạy: 100%, Độ chính xác: 100%.</p>	test	200

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/trương đương	Đơn vị tính	Số lượng
74	Test phát hiện Metamphetamine	G20	Xét nghiệm sắc ký miễn dịch định tính, giả định phát hiện sự có mặt của Methamphetamine trong mẫu nước tiểu ở người. - Điểm ngưỡng giới hạn (ng/mL): 1.000 - Độ nhạy: $\geq 99,9\%$, Độ chính xác: $\geq 99,9\%$	test	300
75	Test nhanh Codein	G20	Que thử xét nghiệm định tính Morphine/Heroin/Codeine (Nước tiểu) là xét nghiệm miễn dịch trực quan nhanh, để nhận biết, nhằm phát hiện định tính morphine và các chất dạng thuốc phiện khác trong mẫu nước tiểu ở người với ngưỡng nồng độ: - Ngưỡng phát hiện: + Morphine/ Heroin: 300 ng/mL + Codeine: 250 ng/mL - Độ nhạy tương đối: $\geq 99,9\%$ - Độ đặc hiệu tương đối: $\geq 99,4\%$ - Độ chính xác $\geq 99,7\%$	test	200
76	Liss	G20	LISS được sử dụng làm chất tăng cường cho hồng cầu, làm giảm nồng độ ion sức mạnh của kháng thể: hỗn hợp phản ứng kháng nguyên bằng cách đình chỉ hồng cầu trong LISS cho phép giảm đáng kể thời gian ủ bệnh và tăng độ nhạy kiểm tra. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485	ml	1,000
77	Anti Human Globulin	G20	Huyết thanh chẩn đoán Spectrum Anti -human Globulin để phát hiện in-vitro của lớp phủ kháng thể hồng cầu người. Độ đặc hiệu 100%. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	ml	120

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/trương đương	Đơn vị tính	Số lượng
78	ASO - Latex kit - L	G20	Xét nghiệm ngưng kết nhanh latex để sàng lọc định tính và định lượng bán định lượng kháng thể kháng streptolysin O (ASO) trong huyết thanh người.	Test	200
79	Chlamydia	G20	Xét nghiệm miễn dịch nhanh dùng để phát hiện định tính, trực tiếp kháng nguyên Chlamydia trachomatis trong dịch cổ tử cung nữ giới, dịch niệu đạo hoặc nước tiểu của nam giới. - Độ nhạy: $\geq 93,58\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 99,08\%$ - Độ chính xác: 100%	Test	600
80	Bộ test nhanh định tính kháng nguyên Covid/Cúm A/B, RSV, ADV	G20	-Xét nghiệm miễn dịch dòng chảy bên nhằm mục đích phát hiện và phân biệt định tính đồng thời, nhanh chóng kháng nguyên nucleocapsid trong chẩn đoán in vitro thông qua hội chứng hô hấp cấp tính nặng do coronavirus 2 (SARS-CoV-2), vi rút cúm A, vi rút cúm B, vi rút hợp bào hô hấp (RSV) và Adenovirus (ADV) trực tiếp từ các mẫu bệnh phẩm dịch tỵ hầu được lấy từ các cá nhân bị nghi ngờ nhiễm vi rút đường hô hấp. Hiệu suất lâm sàng so với Xét nghiệm RT-PCR tham chiếu: COVID-19 (SARS-CoV-2) - Độ nhạy: $\geq 95,74\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 99,28\%$ Hiệu suất lâm sàng so với xét nghiệm RT-PCR tham chiếu: Cúm A - Độ nhạy: $\geq 93,14\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 98,40\%$ Hiệu suất lâm sàng so với xét nghiệm RT-PCR tham chiếu: Cúm B - Độ nhạy: $\geq 94,20\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 98,59\%$ Hiệu suất lâm sàng so với xét nghiệm RT-PCR tham chiếu: RSV - Độ nhạy: $\geq 93,07\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 99,00\%$ Hiệu suất lâm sàng so với xét nghiệm RT-PCR tham chiếu: ADV - Độ nhạy: $\geq 92,30\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 99,33\%$ Đọc kết quả 15-30 phút (kết quả sau 30 phút không còn giá trị).	Test	300

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/trương đương	Đơn vị tính	Số lượng
81	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Enterovirus 71	G20	"- Xét nghiệm sắc ký miễn dịch định tính phát hiện kháng thể IgM kháng EV71 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần. - Độ nhạy: $\geq 96.8\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 99.4\%$ - Không phản ứng chéo với HBV-IgM, HIV-IgG, HCV-IgG - Đạt tiêu chuẩn ISO	Test	200
82	Chương trình Ngoại kiểm Ammonia/Ethanol	G7	Chương trình ngoại kiểm đáp ứng ≥ 2 thông số cơ bản Ammonia và Ethanol. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	Hộp	3
83	Chương trình Ngoại kiểm Đông Máu	G7	Chương trình ngoại kiểm Đông máu đáp ứng ≥ 4 thông số Đông máu cơ bản: Thromboplastin Time (aPTT); Antithrombin III (ATIII) Fibrinogen; Prothrombin Time (PT); International Normalized Ratio (INR). Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm tại các Trung tâm kiểm chuẩn	Hộp	2
84	Chương trình Ngoại kiểm HbA1c	G7	Chương trình ngoại kiểm HbA1c đáp ứng ≥ 2 thông số cơ bản HbA1c và total Haemoglobin. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Bảo quản 2-8 oC	Hộp	3
85	Chương trình Ngoại kiểm Tim Mạch	G7	Chương trình ngoại kiểm Tim mạch đáp ứng ≥ 2 thông số dấu ấn tim mạch cơ bản (CK Total CK-MB Activity; NT-proBNP Troponin I). Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm tại các Trung tâm kiểm chuẩn	Hộp	3

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/trương đương	Đơn vị tính	Số lượng
86	Chương trình Ngoại kiểm Sinh Hóa	G7	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa đáp ứng ≥ 29 thông số sinh hóa thường qui, bộ mỡ, hormones và kim loại vi lượng: ALT (ALAT); Amylase; total AST; Bilirubin direct, Bilirubin total; Calcium; ionised Calcium, total Chloride; Cholinestase; Cholesterol; CK total ; Creatinine; Free T3; Free T4; Gamma GT; Glucose; HDL ₁ Cholesterol; Iron; Lactate; LD (LDH); LDL Cholesterol; Potassium; Protein; Sodium; Total T3; Total T4; Triglycerides; TSH; Urea; Uric acid. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm tại các Trung tâm kiểm chuẩn	Hộp	3
87	Chương trình Ngoại kiểm Huyết Học	G7	Chương trình ngoại kiểm Huyết học đáp ứng ≥ 10 thông số công thức máu Haemoglobin (Hb) Mean Cell; Volume (MCV) Mean Cell Haemoglobin; Concentration (MCHC); Red Blood Cell Count (RBC); Haematocrit (HCT) Mean Cell Haemoglobin (MCH) Platelets (PLT) Total White Blood Cell Count (WBC) ; RDW; RDW-CV. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm tại các Trung tâm kiểm chuẩn	Hộp	4
88	Chương trình Ngoại kiểm Khí Máu	G7	Chương trình ngoại kiểm Khí máu đáp ứng ≥ 11 thông số khí máu, Glucose và Điện giải (Bicarbonate* Ca ⁺⁺ Glucose Lactate pCO ₂ pO ₂ Cl ⁻ K ⁺ Na ⁺ pH tCO ₂ *.)Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm tại các Trung tâm kiểm chuẩn	Hộp	3
89	Chương trình Ngoại kiểm Niệu	G7	Chương trình ngoại kiểm Niệu đáp ứng ≥ 11 thông số tổng phân tích nước tiểu. Thành phần yêu cầu 100% nước tiểu người. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm tại các Trung tâm kiểm chuẩn	Hộp	3
90	Chương trình Ngoại kiểm BNP	G7	Chương trình ngoại kiểm BNP. Gồm 1 thông số BNP. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Dạng lỏng, có nguồn gốc từ người, bảo quản ở nhiệt độ 2-8 oC. Tần suất phân tích: hàng tháng.	Hộp	3

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/trương đương	Đơn vị tính	Số lượng
91	Giấy in nhiệt	G20	Kích thước: 58mm x 30m	Cuộn	336
92	Eppendorf hoặc tương đương	Việt Nam	Chất liệu nhựa PP siêu tinh khiết, màu trong suốt được dùng để ly tâm thu sinh khối hoặc thu dịch chiết.	Ống	66,000
93	Đầu cone vàng	G20	Đầu cone được thiết kế ôm kín đầu cây micropipet, đảm bảo lực hút của cây micropipette, thành trong đầu col không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác khi bơm.	Cái	120,000
94	Đầu cone xanh	G20	Đầu cone được thiết kế ôm kín đầu cây micropipet, đảm bảo lực hút của cây micropipette, thành trong đầu col không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác khi bơm.	Cái	24,000
95	Ống nghiệm có bi lắc hạt tròn nhỏ (Đỏ)	Việt Nam	Ống nghiệm có bi lắc hạt tròn nhỏ (Đỏ)	Ống	180,000
96	Ống nghiệm nắp đen	Việt Nam	Ống nghiệm nắp đen	Ống	115,200
97	Ống nắp xám	Việt Nam	Ống nắp xám	Ống	86,400
98	Ống EDTA nắp cao su	Việt Nam	Ống EDTA nắp cao su	Ống	62,400

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/trương đương	Đơn vị tính	Số lượng
99	Giấy in nhiệt	G20	Kích thước: 57mm x 20m Giấy in kết quả xét nghiệm nước tiểu	Cuộn	336
100	Ống nghiệm để chạy mẫu nước tiểu	Việt Nam	- Ống nghiệm bằng nhựa (PP), có dạng hình trụ đáy tròn, có đóng nút, trên ống không có nhãn - Kích thước ống: Dài trong khoảng 10 cm, đường kính trong khoảng 16mm, thể tích sử dụng tối đa 10ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Ống	48,000
101	Ống nghiệm chân không nắp tím K2 2ml	G20	-Ống nghiệm lấy máu chân không chứa chất chống đông máu cho xét nghiệm huyết học - Nắp ống lấy máu màu tím 2ml, gồm 2 phần: phần bằng cao su duy trì chân không và cho phép kim lấy máu chân không có thể đâm xuyên qua khi lấy máu; phần nắp bằng nhựa PE có rãnh nhỏ.	ống	9,000
102	Ống nghiệm chân không nắp tím K3 6ml	G20	- Ống nghiệm lấy máu chân không chứa chất chống đông máu cho xét nghiệm huyết học - Nắp ống lấy máu màu tím 6ml, gồm 2 phần: phần bằng cao su duy trì chân không và cho phép kim lấy máu chân không có thể đâm xuyên qua khi lấy máu; phần nắp bằng nhựa PE có rãnh nhỏ.	ống	9,000
103	Ống nghiệm trắng không nắp	Việt Nam	Ống nghiệm trắng không nắp	ống	30,000
104	Ống Citrat	Việt Nam	Ống lấy máu citrat nắp xanh lá cây 2ml Chất chống đông: Natri citrat 3,8%, Nhựa PET y tế trong suốt	Ống	69,600

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/trong đương	Đơn vị tính	Số lượng
105	Ống EDTA nắp xanh	Việt Nam	Ống lấy máu EDTA nắp nhựa xanh dương 2 ml Chất chống đông: K2EDTA Vật liệu ống: Nhựa PET y tế, trong suốt	Ống	201,600
106	Đầu cone trắng	G20	Đầu cone được thiết kế ôm kín đầu cây micropipet, đảm bảo lực hút của cây micropipette, thành trong đầu col không dính nước, đảm bảo dung tích 5ml.	cái	500
107	Ống đo máu lắng	G20	Ống Westergren, Chiều dài: 300 mm, Đường kính trong: ~2,5 mm Vạch chia: 0 – 200 mm , Vật liệu: Thủy tinh hoặc nhựa y tế	Ống	260
108	Bộ lấy mẫu đàm NTA	G7	Bộ hút dịch khí quản qua mũi bằng nhựa tiệt trùng dùng 1 lần, đủ cỡ. Dùng lấy mẫu đàm ở khí quản	Cái	2,000
109	Povidone- iodine 10%	Việt Nam	Dung dịch dùng ngoài - Povidon iod 10% (kl/tt)	Chai	2,500
110	Dung dịch rửa máy thận	Châu Âu	Thành phần Axit Citric Monohydrat nồng độ 50% cung cấp khả năng làm sạch, khử trùng (vi khuẩn, virus bao gồm HIV/HSV/HCV) và khử cặn (loại bỏ canxi cacbonat), sử dụng trên máy chạy thận nhân tạo Sản phẩm có công dụng tương đương với hồ sơ yêu cầu, ngoài ra sản phẩm còn đạt tiêu chuẩn chất lượng CE được phép lưu hành ở Châu Âu.	Can	400

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
111	Dung dịch ngâm khử khuẩn mức độ cao dụng cụ nội soi	G7	<p>Là dung dịch ortho-phthalaldehyde 0,60% có thể được sử dụng để tái xử lý các thiết bị y tế bán thiết yếu nhạy cảm với nhiệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiệu quả diệt khuẩn, diệt nấm, diệt virus, diệt trực khuẩn lao là 5 phút. - Tái xử lý thủ công: Có thể tái sử dụng lên đến 30 ngày - Có thể khử khuẩn mức độ cao đối với nhiều loại thiết bị y tế như: các dụng cụ có thấu kính, thiết bị gây mê, thiết bị trị liệu hô hấp, vật dụng bằng cao su, vật dụng bằng nhựa, dụng cụ sắc nhọn, nhiệt kế và dụng cụ nội soi sợi dẻo (dây nội soi ống mềm) - Công thức không chứa chất hoạt động bề mặt – sẽ không làm mờ thấu kính của ống soi - Thời gian bảo quản dung dịch trong can là 75 ngày sau khi mở nắp. - pH 7.0 - 7.8, không gây ăn mòn dụng cụ - Tương thích các vật liệu như: kim loại, nhựa, chất đàn hồi, chất keo dính - Có chứng nhận tương thích của các hãng sản xuất dụng cụ nội soi như Olympus , Pentax, Fuji Film, Karl Storz - Không có thành phần nào được IARC, NTP, ACGIH hoặc OSHA liệt kê là chất gây ung thư hoặc có khả năng gây ung thư - Có cung cấp que thử kèm theo - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA - Có giấy phép lưu hành sản phẩm 	Can	652
112	Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ Enzyme protease subtilisin .	G20	<p>Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ hoạt tính enzyme, hiệu quả nhanh sau 1 phút.</p> <ul style="list-style-type: none"> - pH trung tính (7.5) không gây ăn mòn dụng cụ - Tương thích với nhiều loại dụng cụ <p>Đạt các tiêu chuẩn: EC, ISO, CFS</p>	Chai	170
113	Viên khử khuẩn chứa Troclosense Sodium	Châu Á	<p>Sodium Dichloroisocyanurate Anhydrous 50% (NaDCC)</p> <p>Đạt tiêu chuẩn GMP</p>	Viên	3,000

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/trương đương	Đơn vị tính	Số lượng
114	Hóa chất Javel	Việt Nam	NaClO 10%±2%	Lít	1,380
115	Dung dịch khử trùng dụng cụ Orthophthalaldehyd	Châu Á	Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w), hệ đệm pH =7-9. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2) Vi khuẩn : EN 14561 Nấm, mốc : EN 14562 Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563 Virus: EN 17111 Test thử đi kèm tương thích với sản phẩm.	Can	272
116	Dung dịch khử nhiễm và khử trùng lạnh dụng cụ	Việt Nam	Hỗn hợp enzyme (Protease, Lipase, Amylase, Cellulase, Mannanase), chất hoạt động bề mặt không ion và anion, chất cô lập các ion kim loại, chất ổn định, thành phần khác.	Chai	250
117	Dung dịch rửa tay thường quy	Việt Nam	2%kl/kl Chlorhexidine Digluconate. Hàm lượng phụ gia vừa đủ 100%	Chai	3,200
118	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Việt Nam	4%kl/kl Chlorhexidine Digluconate. Hàm lượng phụ gia vừa đủ 100%	Chai	260
119	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh dùng trong y tế dạng Gel	Việt Nam	70%kl/tt Ethanol Hàm lượng phụ gia vừa đủ 100%	Chai	200

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/trương đương	Đơn vị tính	Số lượng
120	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ nội soi	Việt Nam	Hỗn hợp enzyme (Protease, Lipase, Amylase, Cellulase, Mannanase), chất hoạt động bề mặt không ion và anion, chất cô lập các ion kim loại, chất ổn định, thành phần khác.	Chai	130
121	Nước chung cất 2 lần	Việt Nam	Nước chung cất 2 lần	Lít	60
122	Cloramin B	Việt Nam	Cloramin B 100%. Đạt tiêu chuẩn: TCVN/TCCS	Kg	260
123	Cồn 90 độ	Việt Nam	Cồn y tế nồng độ 90 độ, công dụng: diệt khuẩn dụng cụ y tế, bề mặt trong y tế. Đạt tiêu chuẩn ISO, TCVN/TCCS	Lít	1,200
124	Cồn 70 độ	Việt Nam	Cồn y tế nồng độ 70 độ, công dụng: diệt khuẩn dụng cụ y tế, bề mặt trong y tế. Đạt tiêu chuẩn ISO, TCVN/TCCS	Lít	12,990
125	Dimethylamino Ethanol	G7	Thành phần: Didecyldimethyl ammonium chloride, Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt non-ionic. Làm sạch và khử khuẩn dụng cụ y tế. Nồng độ sử dụng 0,5%, pH = 6.6 - 7.6 Thời gian tiếp xúc: từ 5 phút Diệt virus HIV-1, HBV, HCV, HSV, Vacinia theo tiêu chuẩn châu Âu EN 17111 Đạt tiêu chuẩn ISO 15883, EN 14561, EN 14562, EN 14563, EN 17111	Gói	3,400
126	Dung dịch khử khuẩn, tiệt trùng dụng cụ y tế chứa Cocopropylene Diamine	Châu Âu	Dung dịch khử khuẩn, tiệt trùng dụng cụ y tế chứa 20% kl/kl Cocopropylene Diamine Đạt tiêu chuẩn ISO, EC	Chai	400

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/trương đương	Đơn vị tính	Số lượng
127	Dung dịch sát khuẩn bề mặt (dạng phun sương)	Châu Á	Dung dịch khử khuẩn không khí, bề mặt và nước, thành phần : 0.01% w/v Silver nitrate IP 10 % w/v Hydrogen peroxide IP. Dung dịch tiêu diệt các chủng kháng thuốc như MRSA & VRE, không mùi vị, không có tác dụng độc hại, không ảnh hưởng đến giá trị pH và không gây ăn mòn. Phân hủy sinh học Tiêu chuẩn: ISO, FDA.	Can	30
128	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh dùng trong thủ thuật dạng cồn	Việt Nam	Dung dịch Chlorhexidin Gluconat 0,5% kl/tt + ethanol 70% (Cồn 70 độ đạt tiêu chuẩn Y Tế). Tác động diệt khuẩn phổ rộng với hầu hết các vi khuẩn (S.aureus, P.aeruginosa, Sh.flexneri, B.subtilis, C.albicans, M.tuberculosis), có chất làm mềm, làm ẩm bảo vệ da tay (Glycerine, acid lactic.). Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001: 2015, ISO 13485, GSP, GMP.	Chai	400
129	Gel bôi trơn	Châu Á	Công dụng: Giữ ẩm và bôi trơn âm đạo, có thể dùng trong khám phụ khoa, thụt rửa đường tiết niệu, nội soi dạ dày, nội soi trực tràng. Tiệt trùng bằng khí EO. Đặc tính: Trong suốt, không màu, không mùi. Tan trong nước và dễ dàng rửa sạch, không chứa tạp chất, dầu và chất nhờn	tube	880
130	Gel siêu âm	Việt Nam	Gel siêu âm, (gel hòa tan không chứa muối, không tạo bọt khí, đảm bảo độ đặc, đồng dạng đồng màu). Độ ẩm tốt với mọi tần số áp dụng trong siêu âm y tế.	bình	272
131	Gel điện tim	Việt Nam	Thành phần: Glycerin, Carbomer, Hydroxyethylcellulose, PEG 400, Methylparaben, Propylparaben, Nước tinh khiết. 2. Tính chất: Phù hợp tần số siêu âm đang sử dụng, phù hợp điện cực máy điện tim, điện não. Không gây bần quàn áo, không gây hại đầu dò. Không có formaldehyde Vô khuẩn, không gây mẫn cảm da hoặc rát da. Bảo quản: Để nơi khô ráo và mát	chai	100

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/trong đương	Đơn vị tính	Số lượng
132	Phenolic Powder Without odor	Châu Á	Phenolic compound (phức hợp phenolic tổng hợp) Arylphenol và halogen alkylphenol + Hợp chất polyphosphate + Trisodium Phosphate + Chất hoạt động bề mặt + Chất chống ăn mòn dụng cụ + Chất chống rỉ máu Đạt tiêu chuẩn ISO, FDA	Gói	4,800
133	Povidone- iodine 7,5%	Châu Âu	Dung dịch sát khuẩn da phẫu thuật, chứa 7,5% kl/kl povidone iodine (với nồng độ iodine tự do 10%) Đạt tiêu chuẩn ISO, EC	Chai	4,440
134	Xà phòng rửa tay phẫu thuật, tẩy sát khuẩn, chứa chlorhexidine digluconate	Châu Âu	Xà phòng rửa tay phẫu thuật, tẩy sát khuẩn, chứa 3,9% kl/kl chlorhexidine digluconate (trong đương 4% kl/tt) Đạt tiêu chuẩn ISO, EC	Chai	900
135	Vôi soda hồng	Châu Âu	* Vôi soda dùng hấp thụ CO2 trong không khí bệnh nhân thở khi gây mê toàn thân an toàn và hiệu quả * 1 kí vôi soda hấp thụ được 130L CO2 * Thích hợp cho tất cả các hệ thống thiết bị gây mê Đạt tiêu chuẩn ISO, EC	Kg	500
136	Dung dịch sát khuẩn tay khoan và bề mặt	Việt Nam	Hoạt chất: Didecyl dimethyl ammonium chloride (Amin bậc 4) 0,1% (w/w), Poly(hexamethylenebiguanide) hydrochloride (Biguanide) 0,1% (w/w), Ethanol 50% (w/w). Chất hoạt động bề mặt: Fatty Alcohol Ethoxylate. Chất khóa ion Mg ²⁺ , Ca ²⁺ : EDTA Tetrasodium. Chất chỉnh pH: Phosphoric acid, Citric Acid. Chất chống ăn mòn, hương liệu...	Lít	160
137	Khăn lau sát khuẩn dụng cụ	Châu Á	Thành phần chính: Quaternary ammonium compound (dual quats) 0.21%. Tiêu chuẩn ISO	Hộp	30

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/trương đương	Đơn vị tính	Số lượng
138	Dung dịch làm mới dụng cụ và trang thiết bị y tế có chất liệu thép không rỉ. Loại bỏ cặn sắt oxide và các vết oxy hóa khác.	G7	Thành phần: 52,5% Acid Phosphoric Nồng độ pha loãng từ 3% - 5% trong nước ấm Thời gian ngâm: 1 giờ Thay mới dung dịch ngâm tối thiểu 1 lần một ngày	Chai	15
139	Khăn lau làm sạch và khử khuẩn bề mặt	G7	- Khăn tắm dung dịch Didecyldimethyl ammonium chloride 0.3%, không chứa cồn, phân huỷ vi sinh 100%- Kích thước 180 x 200 mm - Hiệu quả diệt khuẩn Diệt virus HIV, HBV, HCV, Vaccinia virus, Rotavirus trong 1 phút EN 14476	Gói	300
140	Dung dịch vệ sinh đường ống hút nước bọt của ghế nha hàng ngày	G7	Dung dịch đậm đặc, không tạo bọt, làm sạch, khử khuẩn, khử mùi, bảo vệ đường ống hút nước bọt và bền nhỏ hiệu quả. Diệt khuẩn và lấy đi các mảng bám vi khuẩn bên trong ngay cả với virus có vỏ bọc: HIV, HBV, HCV. Nồng độ pha loãng 2% Chứa hoạt chất N-(3-Aminopropyl)-N-dodecylpropane-1,3-diamine	Lít	35
141	Gòn tẩm cồn (Alcohol Pad)	Việt Nam	Chất liệu: vải không dệt 70% visco, có tẩm 70% cồn Isopropyl Alcohol, gạc không quá khô hay quá ướt, Kích thước: thực tế 6 x 6cm x 4 lớp Đóng gói: 1 miếng/ gói, tiệt khuẩn từng miếng	Hộp	2,200
142	Dung dịch làm sạch và khử trùng quả lọc thận nhân tạo	Châu Á	Thành phần hoạt chất: - Axit Peracetic: 4,5% - Hydrogen Peroxide: 19,0%	Can	270
143	Glycerol (dược dụng)	Châu Á	Trihydroxyal alcohol	Chai	30

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/trương đương	Đơn vị tính	Số lượng
144	Natri Clorid PA	Việt Nam	Sodium chloride 99% NaCl	Kg	200
145	Formaldehyde	Châu Á	Formol (formaldehyd-HCHO) 36% - 40% là hợp chất hữu cơ dễ bay hơi hay còn gọi là VOC (dùng để chỉ những hợp chất hữu cơ dễ dàng lan tỏa vào không khí), không màu, mùi cay xốc, khó ngửi, tan nhiều trong nước	chai	100
146	Dung dịch làm sạch sinh học enzyme phân giải protein dùng cho máy rửa khử khuẩn tự động	G7	<p>Dung dịch làm sạch sinh học 5 enzyme có tính kiềm nhẹ. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sodium Xylene Sulphonate : 3-8% w/w • Sodium Etasulphate (Surfac EH40) : 0.5-3% w/w • Subtilisin (Protease) : < 0.25% w/w • Amylase enzyme : < 0.03% w/w • Chất hoạt động bề mặt không ion, chất tạo kiềm : < 5% • Hydrotrope, dung môi Glycol : 5-15% • pH: 10.5 <p>- Ít tạo bọt, không gây ăn mòn dụng cụ, không làm hỏng lớp phủ bên ngoài dụng cụ - Thích hợp sử dụng cho xử lý thủ công, máy rửa bằng sóng siêu âm, máy rửa khử khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, MDR(EU)</p>	can	400
147	Dung dịch bôi trơn dùng cho dụng cụ phẫu thuật dùng cho máy rửa khử khuẩn tự động	G7	<p>Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> + White mineral oil: 20-30% (w/w) + 2,2-dimethyl-1,3-dioxolan-4-ylemthenol: 5-10% (w/w) + 2-phenoxyethenol 1-2.5% (w/w) - pH: 7.0 <p>- Dạng bào chế: dung dịch - Thể tích đóng gói: can 5L - Tiêu chuẩn chất lượng và lưu hành ISO 13485 và MDR (EU)</p>	can	100

STT	Danh mục hàng hóa	Nhóm nước sản xuất	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/trương đương	Đơn vị tính	Số lượng
148	Hóa chất H ₂ O ₂ cho máy hấp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp	G7	Bình hóa chất H ₂ O ₂ dùng cho máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp công nghệ Plasma, 59±0.5% wt H ₂ O ₂	bình	150
149	Dung dịch khử khuẩn nhanh bề mặt có chứa cồn	G7	1. Thành phần: 0,05% Didecyldimethyl ammonium chloride + 0,06% Chlorhexidine digluconate kết hợp 22,57% Ethanol 2. Khử khuẩn nhanh các bề mặt 3. Hiệu quả diệt khuẩn, diệt nấm theo EN 16615 Diệt virus (PRV, BVDV, HSV 1...) từ 1 phút theo EN 14476 4. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485, ISO 9001"	Chai	20
150	Phenol đậm đặc	G7	Phenol đậm đặc, dùng để pha làm xét nghiệm Pandy	chai	1
151	Acid Acetid	G7	Acid Acetid đậm đặc, dùng để pha làm xét nghiệm Rivaita	chai	1
152	Dung dịch Lugol	Châu Á	Dung dịch chứa Iod và Kali Iodid tan trong nước, có màu nâu sẫm, mùi hắc đặc trưng, dùng ngoài da hoặc trong y khoa/phòng thí nghiệm để sát khuẩn, nhuộm tế bào (nhuộm Gram, soi cổ tử cung). Sử dụng cho máy soi cổ tử cung	Chai	3
153	Acid Acetid	Châu Á	Nồng độ 3%, dạng lỏng, trong, không màu. Sử dụng cho máy soi cổ tử cung	Chai	3
154	Gel bơm gây tê bề mặt trong thủ thuật	Châu Âu	Lidocain Hydroclorid Khan 2% và tá dược, dạng gel sử dụng tại chỗ. Dùng để bôi trơn bề mặt niệu đạo nam giới và nữ giới trong các phẫu thuật nhỏ như soi bàng quang, đặt catheter, thăm dò bằng ống thông,...	Tuýp	212